

Bản án số: 148/2024/LĐ-ST  
Ngày 30 - 8 - 2024  
V/v “Vô hiệu hợp đồng lao động; điều  
chỉnh sổ bảo hiểm xã hội”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Hồng Sơn.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Chí Lin,
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

**Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Võ Đông Đức - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 116/2024/TLST - LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST - LĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Neàng H**, sinh năm 1992.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Chau Chanh R**, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: **Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang**. (hợp đồng uỷ quyền ngày 16/4/2024). (xin vắng mặt)

2. **Bị đơn:** **Công ty TNHH B**. (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: TAN HWEE LAN.

Địa chỉ trụ sở: **Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An**.

3. **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần S** – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số H T tránh Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

3.2 Bà Neàng Srây M, sinh năm 1992. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Neàng H, đại diện theo uỷ quyền ông Chau Chanh R trình bày:

Từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016, bà H làm công nhân tại Công ty C TNHH đóng tại xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm bà H có tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm 7511073629.

Do không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà M chưa đủ tuổi có thể đi làm để lo cho gia đình nên bà H cho bà Neàng S1 Môm mượn giấy chứng minh nhân dân (CMND) để bà M đi làm tại Công ty TNHH B trong thời gian từ tháng 11/2016 đến tháng 3/2017, sau đó bà M nghỉ việc tại công ty. Trong quá trình làm việc tại Công ty TNHH B, bà M có tham gia bảo hiểm với số sổ 8016034235 mang tên bà Neàng H.

Việc bà H cho bà M mượn CMND là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH B không phải bản thân bà H. Hiện nay, đang tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 7511073629 và 8016034235 cùng mang tên bà Neàng H, nhưng thực chất sổ sổ 8016034235 do bà M thực hiện nên bà H không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm số 7511073629. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng H (nhưng do bà N Srây Môm làm việc) với Công ty TNHH B;

2/ Điều chỉnh thông tin tên Neàng Huôn trên sổ sổ bảo hiểm xã hội số 8016034235 thành tên Neàng Srây M.

Bị đơn Công ty TNHH B vắng mặt không có văn bản trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà N Srây Môm trình bày tại bản tự khai ngày 19/7/2024: Bà H yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Neàng H (nhưng do bà N Srây Môm làm việc) với Công ty TNHH B và điều chỉnh thông tin tên Neàng Huôn trên sổ sổ bảo hiểm xã hội số 8016034235 thành tên Neàng Srây M thì bà M đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày tại công văn số 1769/BHXH-PQLT-ST về việc cung cấp thông tin, tài liệu và cử người tham gia tố tụng ngày 10/7/2024: bà Neàng H làm việc tại Công ty TNHH B, địa chỉ ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016 trên sổ sổ 8016034235 với tổng số tiền BHXH, BHTN Công ty TNHH B

đã nộp cho bà **N** Huôn trên số 8016034235 là 1,881,900 đồng. Bà **Neàng H** chưa hưởng BHXH một lần và BHTN thời gian trên. Trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thực hiện theo Công văn số 1767/LĐT BXH-BHXH ngày 31/5/2022 của **Bộ L1** và Thông báo số 357/TB-TA ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đồng thời đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Neàng H**.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà **Neàng H**, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động, điều chỉnh số bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. **Công ty TNHH B** có trụ sở tại **xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An** nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà **Neàng H** người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, **Công ty TNHH B** là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà **Neàng Srây M** và **BHXH tỉnh L** được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà **Neàng H** khởi kiện **Công ty TNHH B** cho rằng quyền lợi bị xâm phạm với lí do hợp đồng vô hiệu, do vi phạm điều cấm của luật (Điều 123 Bộ luật Dân sự 2015). Căn cứ khoản 3 Điều 132 Bộ luật Dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện không bị hạn chế nên bà **Neàng H** có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà **Neàng H** có nộp sổ BHXH số 8016034235; Bản ghi quá trình tham gia BHXH, BHTN đối với BHXH số 8016034235 mang tên bà **Neàng H**.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ

luật Tố tụng Dân sự. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật Lao động 2019 và Bộ luật Tố tụng Dân sự đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy, bà **Neàng H** có cho bà **Neàng S1** Môm mượn chứng minh nhân dân mang tên Neàng Huôn để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2016 cho đến tháng 3/2017 tại **Công ty TNHH B** theo sổ BHXH số 8016034235. Trong khi đó bà **Neàng H** cũng tham gia lao động tại **Công ty C** TNHH từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016, bà **H** cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo sổ sổ là 7511073629. Nay bà **Neàng H** không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 7511073629 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà **Neàng H** tại **Công ty TNHH B** từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động trong giai đoạn này tại **Công ty TNHH B** là bà **N** Srây Môm không phải là bà **Neàng H**.

Việc bà **H** cho bà **M** mượn giấy chứng minh nhân dân để đi làm tại **Công ty TNHH B** là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc **điều chỉnh** thời gian đóng BHXH từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016 do **Công ty TNHH B** đóng cho bà **N** Srây Môm trên sổ sổ bảo hiểm 8016034235 là có căn cứ.

Bà **Neàng Srây M** và **Công ty TNHH B** không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Bà **Neàng H** tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00004550 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà **H** đã nộp đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 15, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật Lao động, khoản 4 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội 2014; khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Neàng H** về việc: “*Tranh chấp vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh sổ bảo hiểm xã hội*” với **Công ty TNHH B**.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Neàng Srây M** (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà **Neàng H**) với **Công ty TNHH B** từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016.

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8016034235 cấp cho bà **N Huôn** do **Công ty TNHH B** nộp từ tháng 11/2016 đến tháng 12/2016 tại **Bảo hiểm xã hội tỉnh L** thành tên bà **Neàng Srây M**.

Bà **Neàng H** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **Neàng H** với **Công ty C** TNHH theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7511073629.

Bà **Neàng Srây M** được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà **N Srây Môm** với **Công ty TNHH B** theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8016034235.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà **Neàng H** tự nguyện nộp 300.000đồng án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00004550 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa. Bà **H** đã nộp đủ.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí L – Nguyễn Thị Rạt Trần Hồng S2**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng S2**

